

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC
DANH MỤC GIẾNG KHOAN VÀ
PHƯƠNG ÁN HẠN CHẾ KHAI THÁC
NƯỚC DƯỚI ĐẤT

“LẬP PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC”

BÌNH PHƯỚC - NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC
DANH MỤC GIẾNG KHOAN VÀ
PHƯƠNG ÁN HẠN CHẾ KHAI THÁC
NƯỚC DƯỚI ĐẤT

“LẬP PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC”

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
Sở Tài nguyên và Môi trường
tỉnh Bình Phước

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra
tài nguyên nước miền Nam

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Ấp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
I	Vùng hạn chế 1 (Bãi rác, khu xử lý rác thải; nghĩa trang, nghĩa địa)																			
I.1	Vùng lõi (trong phạm vi bãi rác, khu xử lý rác thải, nghĩa trang, nghĩa địa)																			
		Không có công trình khai thác																		
I.2	Vùng liền kề của vùng hạn chế 1																			
I.2.1	Công trình không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất đã hết hạn																			
1	G1	565463	1331770	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30	6	30	60	15,5	35,5	Công ty không cung cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	Công ty TNHH Chăn nuôi Lê Phát		HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai. Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật	
2	G2	565465	1331786	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30	6	30	60	15,5	35,5				HCBD1		
3	G3	565470	1331773	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30	6	30	60	15,5	35,5				HCBD1		
4	G4	565459	1331752	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30	6	30	60	15,5	35,5				HCBD1		
I.2.2	Công trình có giấy phép khai thác nước dưới đất còn thời hạn																			
5	PT1	562638	1333885	3	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	45	60	10	25	45	6,01	34,47	50/GP-UBND	04/09/2018	5	Cty TNHH Chăn nuôi Phúc An	HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 04/09/2023); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
6	PT2	562755	1333880	3	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	45	60	10	25	45	7,17	35,63					HCBD1	
7	PT3	563023	1334051	3	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	45	60	10h50	25	45	6,45	34,91					HCBD1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Ấp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
8	G1	566254	1332836	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	75	30	6	20	75	9,5	47,5	50/GP-UBND	04/06/2020	5	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích	HCBĐ1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 04/06/2025); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
9	G2	566339	1332858	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	75	40	8	20	75	9,6	47,5					HCBĐ1	
10	G3	566439	1332974	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	75	30	6	20	75	9,2	47,5					HCBĐ1	
11	G1	561627	1334663	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	30	6	30	60	15,5	35,5	53/GP-UBND	16/06/2020	5	Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước	HCBĐ1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 16/06/2025); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
12	G2	561789	1334655	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	30	6	30	60	15,5	35,5					HCBĐ1	
13	G3	561920	1334600	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	30	6	30	60	15,5	35,5					HCBĐ1	
14	G4	561683	1334544	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	32	6h20	30	60	15,5	35,5					HCBĐ1	
15	G1	566265	1332194	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	45	9	20	60	13	33	59/GP-UBND	01/07/2020	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát Lộc	HCBĐ1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 01/07/2025); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
16	G2	566233	1332126	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	45	9	20	60	13	33					HCBĐ1	
17	G3	565958	1332131	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	47	9h30	20	60	13	33					HCBĐ1	
18	G4	566379	1332224	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	50	10	20	60	13	33					HCBĐ1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
19	G1	586400	1334980	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40	8	30	100	16,5	27	6/GP-UBND	07/02/2020	5	Cty TNHH Xây dựng Cơ khí Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tín Nghĩa Đức	HCBGM2	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 07/02/2025); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Trường hợp mạng cấp nước tập trung chưa cung cấp nước đến khu vực hạn chế và kết quả quan trắc chất lượng nước 2 lần/năm của các giếng khoan trong vùng hạn chế không có dấu hiệu suy giảm chất lượng nước, có thể xem xét trình UBND tỉnh gia hạn cho các mục đích sử dụng nước khác ngoài sinh hoạt. Thời gian gia hạn giấy phép cho các mục đích sử dụng nước là 01 lần. Sau thời gian gia hạn giấy phép, Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt và chỉ được xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
20	G2	586344	1335042	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40	8	30	100	16,5	27					HCBGM2	
21	G3	586345	1334984	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40	8	30	100	16,5	27					HCBGM2	
22	G4	586343	1334875	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40	8	30	100	16,5	27					HCBGM2	
23	G5	586480	1334849	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	32	6h24	30	100	16,5	27					HCBGM2	
24	G1	552903	1280756	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	88	11	20	60	12,5	32,5	9/GP-UBND	01/02/2019	5	Cty TNHH VIFEED	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 01/02/2024); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Nguồn nước phục các mục đích khác ngoài sinh hoạt sử dụng nguồn nước cấp tập trung của Nhà máy nước Chơn Thành.
25	G2	552964	1280730	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	88	11	20	60	12,5	32,25					HCCT1	
26	G1	553047	1279810	6	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	66	11	20	60	12,75	32,75	10/GP-UBND	01/02/2019	5	Cty TNHH VIFEED	HCCT1	
27	G2	552974	1279790	6	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	66	11	20	60	13,25	33,25					HCCT1	
28	G3	552909	1279740	6	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	66	11	20	60	13	33					HCCT1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Ấp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
29	G1	553182	1280402	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	35	7	20	60	12,5	32,5	93/GP-UBND	23/12/2019	5	Cty TNHH Chăn nuôi An Tâm	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 23/12/2024); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Nguồn nước phục các mục đích khác ngoài sinh hoạt sử dụng nguồn nước cấp tập trung của Nhà máy nước Chơn Thành.
30	G2	553053	1280415	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	35	7	20	60	12,5	32,5					HCCT1	
31	G3	553171	1280329	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	35	7	20	60	12,5	32,5					HCCT1	
32	GK1	554666	1280816	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	9	3	20	60	13,5	14,56	22/GP-UBND	04/05/2022	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Thanh mỹ	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 04/05/2027); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Nguồn nước phục các mục đích khác ngoài sinh hoạt sử dụng nguồn nước cấp tập trung của Nhà máy nước Chơn Thành.
33	GK2	554813	1280645	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	9	3	20	60	13,5	14,56					HCCT1	
34	GK1	553808	1280066	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	100	10	16	60	8,10	28,10	40/GP-UBND	03/08/2022	5	Công ty TNHH MTV Tấn Phát BP	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 03/08/2027); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Nguồn nước phục các mục đích khác ngoài sinh hoạt sử dụng nguồn nước cấp tập trung của Nhà máy nước Chơn Thành.
35	GK2	553493	1280039	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	93	9h18	16	60	8,15	28,15					HCCT1	
36	GK3	553614	1280084	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	Dự phòng		16	60	8,20	-					HCCT1	
37	GK4	553788	1279982	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	Dự phòng		16	60	8,22	-					HCCT1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Ấp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
38	G1	571503	1272362	1	Tiến Hưng	Đồng Xoài	j ₁₋₂	80	50	10	18	80	8,1	49	2/GP-UBND	10/01/2020	5	Cty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Môi trường Bình Phước	HCDX1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 10/1/2025); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; - Nguồn nước cho sản xuất và các mục đích khác sử dụng từ nguồn nước của mạng cấp nước tập trung.
39	G2	571451	1272434	1	Tiến Hưng	Đồng Xoài	j ₁₋₂	80	50	10	18	80	8,2	49,1					HCDX1	
40	G3	571437	1272425	1	Tiến Hưng	Đồng Xoài	j ₁₋₂	80	31	6h12	18	80	8,1	49					HCDX1	
41	G1	530904	1319820	Thanh Biên	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	j ₁₋₂	60	60	10	20	60	13,5	33,5	61/GP-UBND	01/07/2020	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Vạn Thành	HCLN3b	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 01/7/2025); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước đến khi bãi xử lý rác thải tập trung huyện Lộc Ninh hoàn thành xây dựng và có rác thải được xử lý trong bãi rác; - Sau khi bãi rác hoàn thành việc xây dựng và bắt đầu đi vào hoạt động chỉ xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
42	G2	530856	1319732	Thanh Biên	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	j ₁₋₂	60	60	10	20	60	13,5	33,5					HCLN3b	
43	G3	530835	1319639	Thanh Biên	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	j ₁₋₂	60	60	10	20	60	13,5	33,5					HCLN3b	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Ấp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
II	Vùng hạn chế 3 Khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp đã được cấp nước hoặc có điểm đầu nối liền hệ thống cấp nước tập trung)																			
II.1	Công trình không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất đã hết hạn																			
44	GK1	538722	1269420	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	10,4	22,4	110/GP-UBND	21/12/2020	31/12/2021	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	HCCT19	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Dừng khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng khoan theo quy định; trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
45	GK2	538723	1269221	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	10,2	22,2					HCCT19	
46	GK3	538724	1269009	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	10,2	22,2					HCCT19	
47	GK4	538991	1269987	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	10,6	23,6					HCCT19	
48	GK5	538493	1269985	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	10,2	22,2					HCCT19	
49	GK6	538284	1269126	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	10,8	22,8					HCCT19	
50	GK7	538727	1269771	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	9,7	21,7					HCCT19	
51	GK8	538727	1269522	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	22h14	10	30	11,6	23,6					HCCT19	
52	GK10A	539158	1269545	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	328	22h14	10	30	10,8	22,8					HCCT19	
53	GK12	539145	1269164	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	Dự phòng	22h10	10	30	11,2	23,2					HCCT19	
54	G1	538769	1269694	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	44	400	20	20	40	10,5	21,65	35/GP-UBND	25/05/2021	27/05/2022	Công ty Cổ phần cấp thoát nước khu công nghiệp Minh Hưng III	HCCT19	
55	G2	538769	1269524	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	44	400	20	20	40	10,25	21,4					HCCT19	
56	G3	538879	1269751	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	59	700	20	20	55	10,50	37,5					HCCT19	
57	G4	538886	1269604	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	59	700	20	20	55	10,50	37,5					HCCT19	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 106o15', múi chiều 3o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác, m3/ngày	Chế độ khai thác, giờ	Chiều sâu ống lọc, m		MNT, m	MND max, m	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép, năm	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Ấp/Khu phố	Xã/ phường/ thị trấn	Huyện/ thị xã/ thành phố					Từ	Đến								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
II.2	Công trình có giấy phép khai thác nước dưới đất còn thời hạn																			
58	G2	566876	1266586	Tân An	Tân Phú	Đồng Phú	j ₁₋₂	45	20	4	20	45	18,2	32,5	17/GP-UBND	31/03/2020	3	Cty CP Kim Tín MDF	HCĐP21	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 31/3/2023); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
59	G1	596971	1295785	2	Đức Liễu	Bù Đăng	Bn ₁ ³	75	30	8	65	75	6	13,5	50/GP-UBND	04/09/2018	5	Công ty Cổ phần Hoàng Sơn I	HCBĐg55	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 04/9/2023); - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
60	G2	596945	1295779	2	Đức Liễu	Bù Đăng	Bn ₁ ³	75	10	2h42	65	75	6	13,5					HCBĐg55	
61	G3	597239	1295642	2	Đức Liễu	Bù Đăng	Bn ₁ ³	75	10	2h42	65	75	6	13,5					HCBĐg55	